TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2025/DS-ST
Ngày: 04-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Phương Trang.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Diệu Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1202/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2025/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT. Trụ sở: số 266 - 268 đường NKKN, phường XH, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: bà Võ Thị Quỳnh D; sinh năm: 1989. Địa chỉ: số 266 - 268 đường NKKN, phường XH, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Tiến H; sinh năm: 1976. KDV, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 626 KDV, phường AL, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT có bà Võ Thị Quỳnh D là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 29/06/2022 bà Huỳnh Tiến H ký với Ngân hàng TMCP SGTT Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp

đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,77% /tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 593.681.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 561.852.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 11/02/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 59.785.345 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tạm tính đến ngày 04/8/2025, bà H còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 59.785.345 đồng; lãi quá hạn: 44.731.503 đồng; tổng cộng: 104.516.848 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 59.785.345 đồng với lãi suất quá hạn là 4,155%/tháng (2,77% x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến ngày bà H thanh toán tiếp theo và lãi sẽ được tiếp tục phát sinh trên dư nợ gốc còn lại cho đến khi bà H thanh toán hết nợ gốc.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu bà Huỳnh Tiến H phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/8/2025 là 104.516.848 đồng bao gồm: Nợ gốc 59.785.345 đồng và lãi quá hạn là 44.731.503 đồng. Bà H phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 05/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngoài ra, không còn yêu cầu hay ý kiến gì thêm.

Bị đơn – bà Huỳnh Tiến H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay,

- Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn – bà Huỳnh Tiến H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Toà án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT khởi kiện bị đơn – bà Huỳnh Tiến H yêu cầu thanh toán số tiền nợ xuất phát từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, gọi chung là hợp đồng tín dụng nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng; bà H đang cư trú tại phường AL, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn – bà Huỳnh Tiến H vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ là 104.516.848 đồng bao gồm: Nợ gốc 59.785.345 đồng và lãi quá hạn là 44.731.503 đồng, xuất phát từ các giao dịch thẻ tín dụng mà Ngân hàng đã cấp cho bà H theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà đôi bên đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán toàn bộ số tiền nợ nói trên.

Bà H đã được Toà án thông báo về yêu cầu của người khởi kiện và đã được triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Có nghĩa là, bà H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

quy định *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT với bà Huỳnh Tiến H có ký kết Hợp đồng tín dụng vào ngày 29/6/2022 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cùng bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT (đơn vị phát hành thẻ).

Tại thời điểm giao kết hợp đồng, pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng giữa các bên đương sự là Luật Các tổ chức tín dụng (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010), Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Văn bản số 20/VBHN-NHNN ngày 20/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Các thoả thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng này phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.

Về hình thức của hợp đồng tín dụng được lập thành văn bản, phù hợp với quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Về mặt nội dung, chủ thể giao kết hợp đồng là Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT một tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Bà Huỳnh Tiến H và Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT đã tự nguyện giao kết hợp đồng. Nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tại thời điểm ký kết.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/6/2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT ký với bà Huỳnh Tiến H thì các bên đã có các thỏa thuận: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT phê duyệt hạn mức tín dụng cho bà H số tiền là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất thoả thuận là 2,77%/tháng. Ngoài ra, còn có các thoả thuận khác về việc phát hành thẻ, sử dụng thẻ, hạn mức tín dụng, phương thức thanh toán, các loại phí, cách tính lãi và điều khoản khác… được thoả thuận tại bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này. Tại phần Cam kết của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bà Huỳnh Tiến H đã cam kết chấp hành các điều khoản ký kết và xác nhận rằng đã đọc và đồng ý ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng và chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ, trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ...Các thỏa thuận và cam kết tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cùng bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký kết phù hợp với quy định tại

khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện, quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 593.681.000 đồng và đã thanh toán số tiền là 561.852.000 đồng (bảng sao kê nguyên đơn cung cấp). Tiền thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Sau đó, bà H không thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn lại, mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc trả nợ nhưng bà H vẫn không thực hiện thanh toán. Như vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng ký kết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*", nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT đã chấm dứt việc cấp tín dụng và thu hồi nợ đồng thời khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

- Về số tiền nợ, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT đưa ra số tiền bà H còn nợ tính đến ngày 04/8/2025 là 104.516.848 đồng bao gồm: Nợ gốc 59.785.345 đồng và lãi quá hạn là 44.731.503 đồng, bà H đã được thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không đến Toà và không có ý kiến phản đối, phản hồi lời khai của nguyên đơn về số tiền nợ nói trên. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn không phải chứng minh. Mặt khác, căn cứ vào bảng chi tiết tính lãi, bảng tóm tắt sao kê của phía nguyên đơn cung cấp thể hiện bà H còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền là 104.516.848 đồng, bao gồm nợ gốc là 59.785.345 đồng và lãi quá hạn là 44.731.503 đồng. Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 bà H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ nói trên.

Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán đã lâu nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là yêu cầu chính đáng, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 05/8/2025 trên số dư nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/6/2025 cùng bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT (đơn vị phát hành thẻ), Hội đồng xét xử chấp nhận vì yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên đã ký kết.

Phía nguyên đơn cũng xác định, chỉ cho bà H vay và trách nhiệm thanh toán chỉ yêu cầu cá nhân bà H thực hiện mà không yêu cầu ai khác cùng liên đới trả nợ nên ghi nhận.

[4] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức, nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do được chấp nhận yêu cầu nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT không phải nộp án phí, hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Huỳnh Tiến H phải nộp án phí số tiền là 5.225.842 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010 của Quốc Hội);

Căn cứ Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Văn bản số 20/VBHN-NHNN ngày 20/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT đối với bị đơn – bà Huỳnh Tiến H.

2. Buộc bà Huỳnh Tiến H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền nợ là 104.516.848 (một trăm lẻ bốn triệu, năm trăm mười sáu nghìn, tám trăm bốn mươi tám) đồng, bao gồm nợ gốc là 59.785.345 (năm mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi lăm) đồng và nợ lãi quá hạn là 44.731.503 (bốn mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi mốt nghìn, năm trăm lẻ ba) đồng, phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 29/6/2022 cùng với bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT, ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT với bà Huỳnh Tiến H. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Huỳnh Tiến H phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 05/8/2025 theo mức lãi thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 29/6/2022 cùng với bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ

tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT, ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT với bà Huỳnh Tiến H cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT không phải nộp. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền tạm ứng án phí là 1.862.574 (một triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm bảy mươi bốn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010787 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Huỳnh Tiến H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.225.842 (năm triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi hai) đồng.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. HCM;
- VKSND khu vực 9-TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Lệ Hoa